

NGHỊ QUYẾT

Về trợ giúp pháp lý trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2013 - 2020

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA VIII - KỲ HỌP THỨ 6**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Trợ giúp pháp lý được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/6/2006;

Căn cứ Nghị định số 07/2007/NĐ-CP ngày 12/01/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý; Nghị định số 05/2012/NĐ-CP ngày 02/02/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về giao dịch bảo đảm, trợ giúp pháp lý, luật sư, tư vấn pháp luật; Nghị định số 14/2013/NĐ-CP ngày 05/02/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 07/2007/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 678/QĐ-TTg ngày 10/5/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển trợ giúp pháp lý ở Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Xét Tờ trình số 28/TTr-UBND ngày 16/5/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết về trợ giúp pháp lý trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2013 - 2020; Báo cáo thẩm tra số 34/BC-HĐND ngày 02/7/2013 của Ban Pháp chế HĐND tỉnh và ý kiến của các vị đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân tỉnh tán thành, thông qua Nghị quyết về trợ giúp pháp lý trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2013 - 2020, với những nội dung cụ thể như sau:

1. Mục tiêu:

a) Mục tiêu chung.

Phát triển trợ giúp pháp lý ổn định, bền vững; cung ứng dịch vụ trợ giúp pháp lý kịp thời, đầy đủ, có chất lượng cho đối tượng thuộc diện được trợ giúp pháp lý; phát huy vai trò nòng cốt của trợ giúp pháp lý nhà nước, đồng thời huy động sự tham gia tích cực của các cơ quan, tổ chức, cá nhân vào hoạt động trợ giúp pháp lý; đảm bảo nguồn lực tài chính và cơ sở vật chất nhằm triển khai có hiệu quả các chương trình, kế hoạch của Trung ương và địa phương về trợ giúp pháp lý trên địa bàn tỉnh.

b) Mục tiêu cụ thể.

- Giai đoạn 2013 - 2015

+ Tăng cường hoạt động truyền thông về trợ giúp pháp lý đảm bảo ít nhất 50% người dân biết về quyền được trợ giúp pháp lý của họ; biết về các thông tin liên quan đến tổ chức và hoạt động trợ giúp pháp lý, nắm được địa chỉ của tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý thông qua các phương tiện truyền thông, trợ giúp pháp lý ở cơ sở nhằm nâng cao nhận thức của đối tượng hưởng trợ giúp pháp lý và nhân dân trong tỉnh.

+ Đáp ứng ít nhất 90% nhu cầu trợ giúp pháp lý của các đối tượng ở các lĩnh vực pháp luật; hoàn thành từ 80% trở lên số vụ việc mà người được trợ giúp pháp lý yêu cầu;

+ Đảm bảo 100% vụ án có Trợ giúp viên pháp lý hoặc Luật sư cộng tác viên bào chữa, đại diện hoặc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự, bị can, bị cáo là người thuộc diện được trợ giúp pháp lý; từ 20% đến 30% vụ việc có sự tham gia của trợ giúp pháp lý từ giai đoạn điều tra hoặc khởi tố vụ án;

+ Tăng số vụ việc tham gia trợ giúp pháp lý của các tổ chức đăng ký tham gia thực hiện trợ giúp pháp lý;

+ Đảm bảo từ 30% trở lên kiến nghị thi hành pháp luật của tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý được giải quyết triệt để;

+ Đảm bảo ít nhất 70% vụ việc đạt chất lượng, trong đó có trên 20% vụ việc trở lên được đánh giá đạt chất lượng tốt theo Bộ Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý.

- Giai đoạn 2016 - 2020

+ Tăng cường, đa dạng hóa hoạt động truyền thông về trợ giúp pháp lý. Đảm bảo ít nhất 80% người dân được biết về quyền được trợ giúp pháp lý của họ và các thông tin liên quan đến tổ chức và hoạt động trợ giúp pháp lý;

+ Từ 70% - 80% người dân khi tiếp cận với các cơ quan công quyền có liên quan đến pháp luật đều được hướng dẫn về quyền được trợ giúp pháp lý của họ; đảm bảo 100% cán bộ ở các cơ quan tiếp dân, cơ quan hành chính nhà nước, cơ quan tiến hành tố tụng nắm được các quy định về trợ giúp pháp lý và quyền của người dân về trợ giúp pháp lý;

+ Đáp ứng 100% nhu cầu trợ giúp pháp lý của các đối tượng ở các lĩnh vực pháp luật; hoàn thành từ 90% số vụ việc mà người được trợ giúp pháp lý yêu cầu;

+ Đảm bảo 100% vụ án có Trợ giúp viên pháp lý hoặc Luật sư, cộng tác viên bào chữa, đại diện hoặc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự, bị can, bị cáo là người thuộc diện được trợ giúp pháp lý; khoảng 30% đến 50% vụ việc có sự tham gia của trợ giúp pháp lý từ giai đoạn điều tra hoặc khởi tố vụ án; tăng 50% số vụ việc tham gia trợ giúp pháp lý của các tổ chức đăng ký tham gia thực hiện trợ giúp pháp lý so với giai đoạn 2013 - 2015;

+ Đảm bảo từ 50% kiến nghị thi hành pháp luật của tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý được giải quyết triệt để;

+ Đảm bảo ít nhất 80% vụ việc trở lên đạt chất lượng, trong đó có trên 30% vụ việc được đánh giá đạt chất lượng tốt theo Bộ Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Các đối tượng hưởng trợ giúp pháp lý theo Điều 10, Luật Trợ giúp pháp lý; Khoản 7, Điều 2 Nghị định số 07/2007/NĐ-CP ngày 12/01/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý;

Nghị định số 14/2013/NĐ-CP ngày 05/02/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 07/2007/NĐ-CP; Thông tư số 07/2011/TT-BTP của Bộ Tư pháp ngày 31/3/2011 hướng dẫn về việc bảo đảm bình đẳng giới trong tổ chức cán bộ và hoạt động trợ giúp pháp lý; Thông tư liên tịch số 01/2012/TTLT-BTP-UBDT ngày 17/01/2012 của Bộ Tư pháp - Ủy ban dân tộc hướng dẫn thực hiện trợ giúp pháp lý đối với người dân tộc thiểu số.

b) Các tổ chức, cá nhân thực hiện trợ giúp pháp lý và tham gia phối hợp thực hiện trợ giúp pháp lý.

c) Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện quản lý nhà nước về trợ giúp pháp lý.

3. Các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu:

a) Tăng cường công tác truyền thông về trợ giúp pháp lý.

Căn cứ số lượng và địa bàn cư trú của đối tượng hưởng trợ giúp pháp lý theo số liệu thống kê của tỉnh, để các đối tượng hưởng trợ giúp pháp lý và cán bộ, nhân dân trong tỉnh nắm được ý nghĩa, vai trò của trợ giúp pháp lý, phải thường xuyên tuyên truyền, phổ biến về hoạt động trợ giúp pháp lý trên Bản tin, Trang tin điện tử của Sở Tư pháp, Báo Đắk Lắk, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, hệ thống truyền thanh cơ sở, trên các báo và các phương tiện thông tin đại chúng khác; xây dựng tài liệu, tờ gấp về trợ giúp pháp lý; chú trọng lồng ghép với việc trợ giúp pháp lý lưu động, sinh hoạt Câu lạc bộ trợ giúp pháp lý.

- Giai đoạn 2013 - 2015

Đặt Bảng thông tin và Hộp tin tại 80% các xã, phường thị trấn, 90% các cơ quan tiến hành tố tụng; tại nhà sinh hoạt cộng đồng buôn hoặc hội trường thôn của các thôn, buôn đặc biệt khó khăn; 100% trụ sở Hội người khuyết tật, cơ sở bảo trợ xã hội, trường học, cơ sở kinh doanh của người khuyết tật;

- Giai đoạn 2016 - 2020

Hoàn thành việc đặt Bảng thông tin và Hộp tin về trợ giúp pháp lý tại 20% trụ sở của UBND các xã, phường, thị trấn; tại trụ sở tiếp dân của Ban Dân tộc; Định kỳ 04 năm/lần sửa chữa nội dung, thay thế Bảng thông tin, Hộp tin về trợ giúp pháp lý đã được lắp đặt.

b) Cùng cố, kiện toàn, phát triển mạng lưới tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý và mạng lưới hỗ trợ hoạt động trợ giúp pháp lý tại tỉnh.

- Giai đoạn 2013 - 2015

+ Tách lập 03 phòng Nghiệp vụ tại Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh. Thành lập và bố trí địa điểm xây dựng trụ sở cho Chi nhánh số 3 tại huyện Krông Búk để thực hiện trợ giúp pháp lý trên địa bàn huyện Krông Búk, huyện Krông Năng, huyện Ea H'Leo và thị xã Buôn Hồ;

+ Thu hút 50% số tổ chức hành nghề luật sư, tư vấn pháp luật trở lên tham gia thực hiện trợ giúp pháp lý;

+ Vận động thành lập và duy trì sinh hoạt Câu lạc bộ Trợ giúp pháp lý tại tất cả các xã khu vực III, xã biên giới; 50% các xã, phường, thị trấn khu vực I, khu vực II.

- Giai đoạn 2016 - 2020

+ Thành lập và bố trí địa điểm xây dựng các trụ sở Chi nhánh số 4 tại huyện Ea Súp để thực hiện trợ giúp pháp lý trên địa bàn huyện Ea Súp và Chi nhánh số 5 tại huyện M'Đrăk để thực hiện trợ giúp pháp lý trên địa bàn huyện M'Đrăk;

+ Thu hút từ 70% số tổ chức hành nghề luật sư, tư vấn pháp luật trở lên tham

gia thực hiện trợ giúp pháp lý;

+ Vận động thành lập Câu lạc bộ trợ giúp pháp lý tại 100% xã, phường, thị trấn.

c) Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trợ giúp pháp lý.

- Định biên tại Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh và các Chi nhánh trong giai đoạn 2013 - 2015 là 35 người, với ít nhất 10 Trợ giúp viên pháp lý đáp ứng nhu cầu trợ giúp pháp lý của người được trợ giúp pháp lý nhất là trong các vụ việc tham gia tố tụng; đến năm 2020 là 43 người, trong đó ít nhất 20 Trợ giúp viên pháp lý;

- Phát triển đội ngũ cộng tác viên trợ giúp pháp lý trên 150 người vào năm 2015 và đến 200 người vào năm 2020, chú trọng phát triển các cộng tác viên có trình độ pháp luật chuyên sâu về các lĩnh vực pháp luật, cộng tác viên là hòa giải viên, già làng tại cơ sở;

- Thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cho người thực hiện trợ giúp pháp lý. Tập huấn hàng năm về kiến thức pháp luật mới và kỹ năng trợ giúp pháp lý, kỹ năng sinh hoạt Câu lạc bộ cho 100% thành viên Ban Chủ nhiệm Câu lạc bộ trợ giúp pháp lý, cộng tác viên cơ sở.

d) Tăng cường trợ giúp pháp lý lưu động tại cơ sở.

- Giai đoạn 2013 - 2015

Bảo đảm 90% các xã tại vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được trợ giúp pháp lý lưu động;

- Giai đoạn 2016 - 2020

Bảo đảm 100% các xã tại vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được trợ giúp pháp lý lưu động;

e) Tăng cường đánh giá chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý.

Thực hiện việc đánh giá chất lượng vụ việc của trợ giúp viên pháp lý và cộng tác viên pháp lý theo quy định của Thông tư số 02/2013/TT-BTP ngày 05/01/2013 của Bộ Tư pháp về ban hành Bộ Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý.

g) Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động trợ giúp pháp lý; quản lý bằng công nghệ tin học về tổ chức và hoạt động trợ giúp pháp lý.

h) Tăng cường phối hợp thực hiện trợ giúp pháp lý của các cơ quan, tổ chức với tổ chức và người thực hiện trợ giúp pháp lý.

i) Tăng cường kiểm tra, thanh tra, giám sát công tác trợ giúp pháp lý theo Luật Trợ giúp pháp lý và các quy định của pháp luật có liên quan để đánh giá đúng kết quả, thực trạng triển khai công tác trợ giúp pháp lý tại tỉnh.

k) Tăng cường cơ sở vật chất, kinh phí cho hoạt động trợ giúp pháp lý.

Đảm bảo kinh phí hoạt động nghiệp vụ đặc thù, kinh phí mua sắm trang thiết bị cho tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý; kinh phí xây dựng trụ sở 05 chi nhánh.

4. Kinh phí thực hiện:

a) Giai đoạn 2013 - 2015: 3.031.500.000 đồng (*Ba tỷ không trăm ba mươi một triệu năm trăm ngàn đồng*).

b) Giai đoạn 2016 - 2020: 17.355.000.000 đồng (*Mười bảy tỷ ba trăm năm mươi lăm triệu đồng*).

* Kinh phí của cả giai đoạn 2013 - 2020: 20.386.500.000 đồng (*Hai mươi tỷ*

ba trăm tám mươi sáu triệu năm trăm ngàn đồng).

5. Nguồn kinh phí thực hiện:

a) Kinh phí Trung ương: 4.436.600.000 đồng (Bốn tỷ bốn trăm ba mươi sáu triệu sáu trăm ngàn đồng).

b) Kinh phí địa phương: 15.949.900.000 đồng (Mười lăm tỷ chín trăm bốn mươi chín triệu chín trăm ngàn đồng).

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao cho UBND tỉnh triển khai thực hiện và báo cáo HĐND tỉnh tại các kỳ họp.

Giao cho Thường trực HĐND, các Ban của HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khoá VIII, Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 11 tháng 7 năm 2013./.

Nơi nhận

- Như điều 2;
- UBTW Quốc hội;
- Chính phủ;
- Cục TGPL, Cục KTVB-Bộ Tư pháp
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMT TQ Việt Nam tỉnh;
- Các sở: TP, NV, TC, XD, KH-ĐT;
- TT HĐND các huyện, TX, TP;
- Công báo tỉnh;
- Báo Đắk Lắk, Đài PT-TH tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng Ct.HĐND. *ASD*

CHỦ TỊCH



Niê Thuật